

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/7/2022

V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Trường Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hoan.

2. Ông Cao Văn Đại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Duyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2022 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2022, quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị A, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T1, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đức H, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn T2, xã S, huyện T1, tỉnh Hải Dương.

3. *Người làm chứng:*

- Ông Trần Văn N, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn T2, xã S, huyện T1, tỉnh Hải Dương.

- Ông Ngô Bá T3, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T1, tỉnh Hải Dương.

(Nguyên đơn và những người làm chứng đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Chị A và anh H kết hôn vào ngày 06/6/2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại

UBND xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn khoảng 06 tháng, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng tính cách, lối sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống thường ngày cũng như cách phát triển kinh tế gia đình. Đến khoảng tháng 12/2021, mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng vẫn không được cải thiện. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định không còn tình cảm với anh H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Hải A1, sinh ngày 03/01/2020. Khi ly hôn chị xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị làm công nhân, thu nhập trung bình một tháng là 10 triệu đồng.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có quan điểm: Thống nhất với nguyên đơn về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Vợ chồng bất đồng tính cách, lối sống, nhiều lần chị A đòi làm đơn ly hôn, chị A không có sự cảm thông, chia sẻ và tin tưởng đối với anh. Đến nay, không còn biện pháp nào để khắc phục được tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Tuy vậy, anh không đồng ý ly hôn để cho con chung được sự chăm sóc của cả bố và mẹ.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Trần Hải A1, sinh ngày 03/01/2020. Khi ly hôn anh xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh làm công nhân, thu nhập trung bình một tháng từ 06 đến 12 triệu đồng.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Lời khai của người làm chứng là ông Trần Văn N và ông Ngô Bá T3 cũng như kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Chị A, anh H đã sống ly thân, gia đình hai bên đã hết mực khuyên bảo, động viên nhưng không cải thiện được tình trạng hôn nhân của chị A, anh H.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX), nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, VKSND huyện Thanh Hà đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự: Xử chị A và anh H ly hôn. Về con chung: Giao con chung là Trần Hải A1, sinh ngày 03/01/2020 cho chị A nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. **Bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.** Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị A, anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, giữa chị A, anh H nảy sinh mâu thuẫn, gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng chị A kiên quyết ly hôn. Thực tế, hai bên đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Bản thân anh H cũng xác định không có biện pháp nào cải thiện tình cảm quan hệ vợ chồng giữa hai người. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh H và chị A đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị A ly hôn anh H là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng chị A, anh H có 01 con chung là Trần Hải A1, sinh ngày 03/01/2020. Chị A và anh H đều có quan điểm xin nuôi con. Chị A và anh H có điều kiện tương đương nhau trong việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, cháu Trần Hải A1 hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy, HĐXX giao con cho chị A nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị A tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Ngô Thị A ly hôn anh Trần Đức H.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Hải A1, sinh ngày 03/01/2020 cho chị Ngô Thị A nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận tự nguyện của chị A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Đức H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị A phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0003414 ngày 21/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; chị A đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Trường Giang